

Số: **460/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 03 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 329/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Trần Quỳnh G., sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Trần Hoàng H., sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Quỳnh G. và ông Trần Hoàng H. tự nguyện chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01/2014, ngày 25/8/2014).

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên gây gổ, không hạnh phúc. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó bà G. và ông H. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà G. và ông H. có 01 con chung tên Trần Hoàng Gia Ph., sinh ngày 06/02/2016. Cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Quỳnh G. trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Hoàng H. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Bà G. và ông H. tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà G. và ông H. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Quỳnh G. và ông Trần Hoàng H. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Quỳnh G. và ông Trần Hoàng H. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2014) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà G. và ông H. có 01 (một) con chung tên Trần Hoàng Gia Ph., sinh ngày 06/02/2016. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Trần Quỳnh G. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Hoàng Gia Ph., sinh ngày 06/02/2016. Ông Trần Hoàng H. cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà G. và ông H. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà G. và ông H. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Quỳnh G. và ông Trần Hoàng H. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà G. và ông H. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0020805 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Quỳnh G. và ông Trần Hoàng H. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài